

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HPT ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: khu 2, xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Chị **Lý Thị T**, sinh năm 1989;

Nơi ĐKKHKT: khu 2, xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. (Hiện đang ở nước ngoài).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là anh Nguyễn Đức H trình bày: Anh và chị T kết hôn với nhau ngày 03/8/2012, trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh về ở rể nhà chị T 03 tháng, do mâu thuẫn vợ chồng anh không ở rể được nên anh đã quay về xã Gia Điền ở, chị T

cũng cắt khẩu theo anh về sinh sống tại xã Gia Điền, vợ chồng thuê nhà ở riêng. Trong thời gian sinh sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và mỗi người đi làm ăn một nơi. Đến năm 2020, anh và chị T đã đi Đài Loan làm ăn do mâu thuẫn vợ chồng sang bên đó anh chị cũng không chung sống với nhau. Đến ngày 14/5/2022 anh quyết định về Việt Nam sinh sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Việt L, sinh ngày 25/11/2012, hiện cháu L đang ở với anh, khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến khi cháu thành niên và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh H không yêu cầu giải quyết. Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/6/2022.

- Phía bị đơn là chị Lý Thị T hiện đang ở nước ngoài được thể hiện tại công văn số: 11186/QLXNC – P5 ngày 01/6/2022 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 30/5/2022 của Cục xuất nhập cảnh bộ Công an cung cấp chị Lý Thị T xuất cảnh lần cuối cùng ngày 13/10/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do Anh H không biết địa chỉ của chị T ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã ủy thác cho Ủy ban nhân dân xã Đú Sáng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình tiến hành lấy lời khai của Ông Lý Sinh Cường, bà Dương Thị Mai (Là bố, mẹ đẻ của chị T), chị Lý Thị Hương (em gái của chị T) để làm rõ việc Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ gửi một số văn bản tố tụng cho chị T thông qua người thân của chị T nhận và yêu cầu người thân của chị T cung cấp địa chỉ của chị T ở nước ngoài. Kết quả ủy thác cho thấy hiện nay Ông Lý Sinh Cường, bà Dương Thị Mai đi làm ăn xa nhà không liên lạc được; còn lời khai của chị Hương cung cấp như sau: Chị là em gái của chị T, trong thời gian tháng 06/2022 gia đình có nhận được giấy triệu tập chị T để giải quyết và cung cấp thông tin nơi ở của chị T, giải quyết việc ly hôn, chị có chụp ảnh lại giấy triệu tập và gửi cho chị T nhưng từ ngày 10/6/2022 cho đến nay không thấy chị T nhận thông tin và trả lời cho chị. Theo chị biết chị T đang sinh sống ở Trung Quốc, trước đây có liên lạc được với chị T nhưng hiện nay không còn liên lạc được nữa. Công việc chính của chị T theo chị được biết là chị T làm việc tại công ty SAM SUNG.

Về việc Anh H có đơn đề nghị ly hôn, nuôi con, giải quyết tài sản, công nợ với chị T, gia đình chị không biết gì cả.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 123 Luật HNGĐ năm 2014; ; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 479 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Tòa án xét xử:

Xử: Cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Lý Thị T.

Về con chung: giao cho Anh H nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Long, đến khi trưởng thành, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người nào không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sẽ được thăm non con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức H nộp đơn xin ly hôn chị Lý Thị T tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, Anh H trình bày hiện chị T đang ở nước ngoài. Tại công văn số 11186/QLXNC – P5 ngày 01/6/2022 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 30/5/2022 của Cục xuất nhập cảnh bộ Công an xác định chị Lý Thị T đã xuất cảnh lần cuối cùng ngày 13/10/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này chị T không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Anh H đề nghị xin ly hôn với chị T và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị T là ở xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ mà không cung cấp được địa chỉ của chị T ở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của chị T là chị Lý Thị Hương (em gái ruột chị T) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không biết địa chỉ cụ thể của

chị T ở đâu tại nước ngoài. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung; chị T vắng mặt, Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh H, chị T.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H và chị Lý Thị T trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 03/8/2012 tại UBND xã Gia Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Anh H và chị T, theo Anh H khai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn khi anh ở rể và cả khi hai vợ chồng ở nước ngoài nên anh mới bỏ về nước. Mặt khác, Tại biên bản làm việc ngày 08/7/2012, chính quyền địa phương cung cấp trong thời gian Anh H và chị T chung sống ở địa phương thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi cọ, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, nay mâu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án xem xét cho hai anh chị ly hôn. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa Anh H và chị T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho Anh H được ly hôn chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh H và chị T có một con chung là cháu Nguyễn Việt L, sinh ngày 25/11/2012. Hiện nay cháu L đang ở với Anh H. Sau khi ly hôn Anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Xét thấy hiện nay Anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và có đủ điều kiện nuôi con, bản thân cháu L cũng có nguyện vọng xin được ở với Anh H nên cần tôn trọng nguyện vọng của cháu. Mặt khác, chị T đang ở nước ngoài không có thời gian cũng như điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Long. Do vậy, Tòa án thấy rằng cần giao con chung là Nguyễn Việt L, sinh ngày 25/11/2012 cho Anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì Anh H tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh H chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83, 123 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Lý Thị T.

[2]. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Đức H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Việt L, sinh ngày 25/11/2012. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh H. Vì Anh H tự nguyện không yêu cầu.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Anh H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000074 ngày 26/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc bản án hoặc bản án đ-ợc niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị T là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đ-ơng sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Gia Điền;
- L- u hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hà Giang